

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ CHÍNH THỨC**  
**MÔN THI: TIẾNG NGA**

**I) ĐH: 5 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 1) занимал
- 2) которую
- 3) холодная
- 4) будем
- 5) должна

**II) ĐH: 5 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 6) Когда они вернулись?
- 7) Что продала Наташа?
- 8) Кому мы часто помогаем/ вы часто помогаете в учебе?
- 9) Откуда приехали эти студенты?
- 10) О чем рассказала бабушка?

**III) ĐH: 5 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 11) б
- 12) а
- 13) д
- 14) в
- 15) г

**IV) ĐH: 5 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 16) такая
- 17) лет
- 18) зарядку
- 19) находится
- 20) погибшего

**V) ĐH: 20 điểm; CĐ: 20 điểm**

- 21) удивительный
- 22) работает
- 23) живет/ жила
- 24) десятого
- 25) математика
- 26) улыбается
- 27) мечта
- 28) мирная
- 29) спортивный
- 30) уборка

**VI) ĐH: 10 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 31) Они собирали грибы в лесу.
- 32) Потому что они думали, что поезд еще далеко.
- 33) Потому что девочка была совсем близко.
- 34) Между рельсами лицом вниз и не шевелилась.
- 35) Нет, не погибла.

**VII) ĐH: 20 điểm; CĐ: 20 điểm**

- 36) ... купленном мамой.
- 37) ... (была) нарисована известным художником.
- 38) ... после (окончания) урока.//... после того, как кончился урок/урок окончен.
- 39) ... девушку с черными глазами.// ... черноглазую девушку.
- 40) ... благодаря помощи друзей.//... с помощью друзей.
- 41) ... из-за плохой погоды.
- 42) ... решается этими студентами.
- 43) ... где живет моя семья.
- 44) ... прочитав ее.//... после того как я прочитал ее.
- 45) ... хотя был сильный дождь.//... несмотря на то, что был сильный дождь.// ... несмотря на сильный дождь.

**VIII) ĐH: 10 điểm; CĐ: 10 điểm**

- 46) любит
- 47) оно/ море
- 48) как
- 49) поехали/ полетели/ вернулись
- 50) всю

**IX) ĐH: 10 điểm; thí sinh chỉ thi cao đẳng không làm phần này**

- 51) Это девушка, с которой я учился/ училась/ учусь в деревне.// Это деревня, в которой я учился/ училась/ учусь с девушкой.
- 52) Каждый из нас обязан трудиться.
- 53) В этом году моему сыну исполнится/исполнилось 12 лет.
- 54) Виктор хочет/ хотел быть похожим на своего дедушку.
- 55) В прошлом году он уехал в Россию учиться.

**X) ĐH: 10 điểm; thí sinh chỉ thi cao đẳng không làm phần này**

- 56) Город Хошимин является одним из самых больших городов Вьетнама/ во Вьетнаме.// Город Хошимин - один из самых больших городов Вьетнама/ во Вьетнаме.
- 57) Он находится/ расположен на юге страны/ в южной части страны/ в южном Вьетнаме на берегах тихой реки Сайгон.
- 58) Город был освобожден/ освободили 30-ого апреля 1975 года.
- 59) Город быстро растет/ развивается с каждым днем.
- 60) Все люди в городе/ Все жители города/ горожане гордятся своим родным городом.

## HƯỚNG DẪN CHẤM THI ĐỀ CHÍNH THỨC. MÔN THI: TIẾNG ANH

**I) ĐH: 5 điểm; mỗi câu đúng - 1 điểm. CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 1) занимал
- 2) которую
- 3) холодная
- 4) будем
- 5) должна

*Cách tính điểm:*

- Chọn sai từ đã cho trong đáp án - không có điểm;
- Chọn đúng từ nhưng viết lại sai chính tả - trừ 0,5 điểm.

**II) ĐH: 5 điểm; mỗi câu đúng - 1 điểm. CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 6) Когда они вернулись?
- 7) Что продала Наташа?
- 8) Кому мы часто помогаем/ вы часто помогаете в учебе?
- 9) Откуда приехали эти студенты?
- 10) О чем рассказала бабушка?

*Cách tính điểm:*

- Chọn sai từ để hỏi; không đặt từ để hỏi lên đầu câu (lỗi cấu trúc); không chuyển ngôi đúng, kết hợp giữa chủ ngữ và vị ngữ sai, thay đổi thời và thể của động từ - không có điểm;
- Chọn đúng từ để hỏi, đặt nó đúng ở đầu câu hỏi nhưng trật tự của các từ còn lại sai với đáp án - trừ 0,5 điểm cho toàn câu;
- Viết sai chính tả - trừ 0,5 điểm/1 lỗi.

**III) ĐH: 5 điểm; mỗi câu đúng - 1 điểm. CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 11) б
- 12) а
- 13) д
- 14) в
- 15) г

*Cách tính điểm:*

- Chọn kết hợp sai - không có điểm.

**IV) ĐH: 5 điểm; mỗi câu đúng - 1 điểm. CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 16) такая
- 17) лет
- 18) зарядку
- 19) находится
- 20) погибшего

*Cách tính điểm:*

- Không tìm được lỗi để chữa hoặc xác định được lỗi nhưng không chữa được đúng - không có điểm.

**V) ĐH: 20 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm. CĐ: 20 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 21) удивительный
- 22) работает
- 23) живет/ жила
- 24) десятого
- 25) математика
- 26) улыбается
- 27) мечта
- 28) мирная
- 29) спортивный
- 30) уборка

*Cách tính điểm:*

- Chọn sai từ hoặc chọn đúng từ nhưng biến đổi sai dạng thức, chia sai động từ (ngôi, số, thời) - không có điểm;
- Chọn đúng từ, biến đổi đúng dạng thức nhưng viết sai chính tả - trừ 0,5 điểm.

**VI) ĐH: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm. CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm.**

- 31) Они собирали грибы в лесу.
- 32) Потому что они думали, что поезд еще далеко.
- 33) Потому что девочка была совсем близко.

- 34) Между рельсами лицом вниз и не шевелилась.  
35) Нет, не погибла.

*Cách tính điểm:*

- Trả lời sai ý - không có điểm;
- Trả lời đúng ý, nhưng sai ngữ pháp (biến đổi cách; chia động từ theo giống, số, thời; cách dùng thể động từ; cách dùng giới từ...) - trừ 1 điểm/1 lỗi; trả lời thiếu ý (ở câu 34 có 2 ý) - trừ 1 điểm/1 ý.
- Viết sai chính tả - trừ 0,5 điểm/1 lỗi.

**VII) ĐH: 20 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm.**

**CĐ: 20 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 36) ... купленном мамой.  
37) ... (была) нарисована известным художником.  
38) ... после (окончания) урока.//... после того, как кончился урок/урок окончен.  
39) ... девушку с черными глазами// ... черноглазую девушку.  
40) ... благодаря помощи друзей.//... с помощью друзей.  
41) ... из-за плохой погоды.  
42) ... решается этими студентами.  
43) ... где живет моя семья.  
44) ... прочитав ее.//... после того как я прочитал ее.  
45) ... хотя был сильный дождь.//... несмотря на то, что был сильный дождь.// ... несмотря на сильный дождь.

*Cách tính điểm:*

- Chọn sai cấu trúc trong đáp án - không có điểm;
- Chọn đúng cấu trúc nhưng sai lỗi ngữ pháp (biến đổi cách; chia động từ theo giống, số, thời; cách dùng thể động từ; cách dùng giới từ...) - trừ 1 điểm/1 lỗi;
- Viết sai lỗi chính tả - trừ 0,5 điểm/1 lỗi.

**VIII) ĐH: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm.**

**CĐ: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm**

- 46) любит  
47) оно/ море  
48) как  
49) поехали/ полетели/ вернулись  
50) всю

*Cách tính điểm:*

- Chọn sai từ hoặc chọn đúng từ nhưng biến đổi sai dạng thức, chia sai động từ - không có điểm;
- Chọn đúng từ, biến đổi đúng dạng thức nhưng viết sai chính tả - trừ 0,5 điểm.

**IX) ĐH: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm. Thí sinh chỉ thi cao đẳng không làm phần này.**

- 51) Это девушка, с которой я учился/ училась/ учусь в деревне.// Это деревня, в которой я учился/ училась/ учусь с девушкой.  
52) Каждый из нас обязан трудиться.  
53) В этом году моему сыну исполнится/исполнилось 12 лет.  
54) Виктор хочет/ хотел быть похожим на своего дедушку.  
55) В прошлом году он уехал в Россию учиться.

*Cách tính điểm:*

- Tự ý thêm hoặc bớt từ trong số đã cho trước hoặc đặt câu sai cấu trúc - không có điểm;
- Đặt câu đúng cấu trúc nhưng biến đổi sai dạng thức, chia sai động từ - trừ 1 điểm/1 lỗi;
- Đặt câu đúng, biến đổi đúng dạng thức nhưng viết sai chính tả - trừ 0,5 điểm/1 lỗi.

**X) ĐH: 10 điểm; mỗi câu đúng - 2 điểm. Thí sinh chỉ thi cao đẳng không làm phần này.**

- 56) Город Хошимин является одним из самых больших городов Вьетнама/ во Вьетнаме.// Город Хошимин - один из самых больших городов Вьетнама/ во Вьетнаме.  
57) Он находится/ расположен на юге страны/ в южной части страны/ в южном Вьетнаме на берегах тихой реки Сайгон.  
58) Город был освобожден/ освободили 30-ого апреля 1975 года.  
59) Город быстро растет/ развивается с каждым днем.  
60) Все люди в городе/Все жители города/горожане гордятся своим родным городом.

*Cách tính điểm:*

- Dịch sai ý, sai cấu trúc - không có điểm;
- Dịch đúng ý, đúng cấu trúc nhưng sai lỗi ngữ pháp (biến đổi cách; chia động từ theo giống, số, thời; cách dùng thể động từ; cách dùng giới từ...) hoặc mỗi từ bỏ không dịch (dịch sót ý) - trừ 1 điểm/1 lỗi;
- Lỗi chính tả - trừ 0,5 điểm/1 lỗi.